

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**  
Số: *573* /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
*Cao Bằng, ngày 13 tháng 5 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành danh mục đập, hồ chứa nước thủy lợi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 576/TTr - SNN ngày 25 tháng 4 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành danh mục đập, hồ chứa nước thủy lợi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, gồm 22 hồ. Trong đó, có 01 đập, hồ chứa nước thủy lợi lớn; 10 đập, hồ chứa nước thủy lợi vừa; 11 đập, hồ chứa nước thủy lợi nhỏ (chi tiết như biểu kèm theo).

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức thực hiện công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi đúng theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; giám đốc sở, ngành: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện Trùng Khánh, Hà Quảng, Hòa An,

Quảng Uyên, Thạch An, Hạ Lang, Trà Lĩnh, Nguyên Bình; Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Cao Bằng và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Tổng cục Thủy lợi;
- UBND tỉnh: CT, các PCT; (bản ĐT)
- VP UBND tỉnh: Các PCVP;
- Chi cục Thủy lợi;
- Lưu: VT, NL (Kh 17 b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trung Thảo**



**DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY LỢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG**

(ban hành kèm theo Quyết định số: 573 /QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của UBND tỉnh Cao Bằng)

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Diện tích lưu vực Fv (km <sup>2</sup> )	Diện tích tưới Ftưới (ha)	Thông số kỹ thuật hồ chứa thủy lợi					Phạm vi khu tưới, khai thác và bảo vệ
					Dung tích hồ W trữ (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )		Đập chính			
					W hữu ích	W toàn bộ	Cao trình đỉnh đập (m)	Chiều cao đập H (m)	Chiều dài đập L (m)	
I	<b>Đập, hồ chứa nước lớn:</b> Đập có chiều cao từ 15 m đến dưới 100 m hoặc hồ chứa nước có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m <sup>3</sup> đến dưới 1.000 triệu m <sup>3</sup>									
1	Hồ Bản Viêt	Xã Phong Châu, huyện Trùng Khánh	13,8	370,0	3,14		127,3	29,0	140,0	Huyện Trùng Khánh
II	<b>Đập, hồ chứa nước vừa:</b> Đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m hoặc hồ chứa nước có dung tích toàn bộ từ 0,5 triệu m <sup>3</sup> đến dưới 3 triệu m <sup>3</sup>									
1	Hồ Bản Nưa	Xã Đào Ngạn, huyện Hà Quảng	2,6	227,26	0,98	1,0	91,7	24,0	160,0	Huyện Hà Quảng
2	Hồ Khuổi Lái	Xã Bạch Đằng, huyện Hòa An	16,7	441,66	2,70	2,935	79,5	23,0	99,5	Thành phố Cao Bằng và huyện Hòa An
3	Hồ Nà Tấu	Xã Bế Triều, huyện Hòa An	3,9	439,92	2,40	2,46	117,1	24,7	164,5	Thành phố Cao Bằng và huyện Hòa An
4	Hồ Nà Lái	Xã Phi Hải, huyện Quảng Uyên	24,6	388,0	1,23	1,40	529,0	28,0	228,6	Huyện Quảng Uyên
5	Hồ Phia Gào	Xã Đức Long, huyện Hòa An	3,0	88,9	0,52	0,59	519,0	20,0	120,0	Huyện Hòa An
6	Hồ Khuổi Ấng	Xã Hoàng Tung, huyện Hòa An	4,3	157,35	0,58	0,62	247,2	23,0	138,3	Huyện Hòa An
7	Hồ Nà Tậu	Xã Lê Lợi, huyện Thạch An	3,3	191,06	0,53	0,55	130,0	23,0	70,0	Huyện Thạch An
8	Hồ Co Po	Xã Đức Long, huyện Thạch An	4,0	161,64	0,54	0,57	126,0	24,0	102,0	Huyện Thạch An

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Diện tích lưu vực Flv (km <sup>2</sup> )	Diện tích tưới Ftưới (ha)	Thông số kỹ thuật hồ chứa thủy lợi					Phạm vi khu tưới, khai thác và bảo vệ
					Dung tích hồ W trữ (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )		Đập chính			
					W <sub>hữu ích</sub>	W <sub>toàn bộ</sub>	Cao trình đỉnh đập (m)	Chiều cao đập H (m)	Chiều dài đập L (m)	
9	Hồ Cao Thăng	Xã Cao Thăng, huyện Trùng Khánh	4,3	159,7	0,50	0,52	111,7	22,0	70,0	Huyện Trùng Khánh
10	Hồ Khuổi Kỳ	Xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng	6,2	234,24	0,47	0,58	241,5	26,6	138,4	Huyện Hà Quảng
<b>III</b>	<b>Đập, hồ chứa nước nhỏ:</b> Đập có chiều cao dưới 10 m hoặc hồ chứa nước có dung tích toàn bộ dưới 0,5 triệu m <sup>3</sup>									
1	Hồ Nà Vàng	Xã Lê Lai, huyện Thạch An	1,4	53,9	0,22		484,0	18,0	60,0	Huyện Thạch An
2	Hồ Thôm Rào	Xã Lý Quốc, huyện Hạ Lang	3,2	164,0	0,24		86,7	14,7	62,7	Huyện Hạ Lang
3	Hồ Slông	Xã Lê Lai, huyện Thạch An		66,0	0,15			8,4	56,6	Huyện Thạch An
4	Hồ Khuổi Kéo	Xã Cao Chương, huyện Trà Lĩnh	1,4	191,22	0,06		328,5	15,0	48,5	Huyện Trà Lĩnh
5	Hồ Nà Danh	Thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An	2,8	334,74	0,48		130,0	23,0	7,0	Huyện Thạch An
6	Hồ Bán Đà	Xã Đình Minh, huyện Trùng Khánh	7,3	25,0	0,26		502,2	13,0	39,0	Huyện Trùng Khánh
7	Hồ Thôm Cãi	Xã Đào Ngạn, huyện Hà Quảng		122,3			90,0	15,0	150,0	Huyện Hà Quảng
8	Hồ Thôm Nạc	Xã Thị Ngán, huyện Thạch An		112,0	0,12		140	9		Huyện Thạch An
9	Hồ Thôm Luông	Xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình		60,0	0,20			7,8	119,9	Huyện Nguyên Bình
10	Hồ Khuổi Khiến	Xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình		60,0	0,12			8,3	33,9	Huyện Nguyên Bình
11	Hồ Nà Sum	Xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình		30,0	0,10			4,5	73,6	Huyện Nguyên Bình